

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chuyển nguồn số dư kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện
Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và
vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh thực hiện
03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 sang năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo Công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 170/TTr-STC ngày 22/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển nguồn số dư kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, với tổng số tiền: 358.904.947.604 đồng (*Ba trăm năm mươi tám tỷ, chín trăm lẻ bốn triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng*), như sau:

(Chi tiết theo Phụ lục I, II đính kèm)

Điều 2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục chuyển nguồn theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Phụ lục I, II và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, LĐT&XH;
- Ban Dân tộc;
- Các PVP;
- Lưu VT, TH, KTN, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỐ DƯ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
NĂM 2023 CHUYỂN SANG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nguồn vốn/Tên Dự án	Chủ đầu tư	Mã dự án	Số dư kế hoạch vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023	Ghi chú
	TỔNG CỘNG = (I)+(II)			352.285.868.104	
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI)			321.254.140.000	
1	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Hồ 3/2, Nước Rin, Đập Quang, Đá Chồng)	BQL dự án ĐTXD các CT NN&PTNT	8002121	3.766.878.000	
2	Kè chống xói lở khẩn cấp bờ biển Cửa Đại đoạn từ Ủy ban nhân dân phường Cẩm An đến khu vực An Bảng, thành phố Hội An	BQL dự án ĐTXD các CT NN&PTNT	8018272	55.585.750.000	
3	Dự án Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 76 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Quảng Nam	BQL dự án ĐTXD tỉnh	8019020	193.952.232.000	
4	Dự án Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Quảng Nam	BQL dự án ĐTXD tỉnh	8018843	67.949.280.000	
II	NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)			31.031.728.104	
II.1	THUỘC KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 KÉO DÀI SANG NĂM 2023			5.455.632.971	
II.1.1	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025			5.364.335.000	
1	Xây dựng Trung tâm giống, bảo tồn và phát triển được liệu ứng dụng công nghệ cao	Ban dân tộc	8016496	1.303.419.000	
2	Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Tiểu dự án 2 - Dự án 10 Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025)	Ban Dân tộc tỉnh	8057326	2.205.000.000	
3	Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co; Hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taluy; Hệ thống giao thông các tuyến đường nội bộ; Hệ thống thoát nước mưa và thoát	Ban Dân tộc tỉnh	8057571	927.958.000	
4	Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Cơ Tu; hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taluy; Giao thông; Thoát nước mưa; Thoát nước thải sinh hoạt; Cấp nước sinh hoạt (tuyến ống nội khu và bể chứa); Cấp điện và chiếu sáng-Dự án 2	Ban Dân tộc tỉnh	8057570	927.958.000	
II.1.2	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững			91.297.971	
1	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), hạng mục: Nâng cấp khối giảng đường C, D và khối trung tâm thực hành kỹ thuật Y học	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam	8006096	91.297.971	
II.2	THUỘC KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023			25.576.095.133	
II.2.1	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025			13.299.119.800	

1	Xây dựng Trung tâm giống, bảo tồn và phát triển được liệu ứng dụng công nghệ cao	Ban dân tộc	8016496	1.402.725.000	
2	Trường PTDTNT Nước Oa	Sở GD&ĐT	8033857	301.379.000	
3	Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Tiểu dự án 2 - Dự án 10 Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025)	Ban Dân tộc tỉnh	8057326	4.610.914.200	
4	Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co; Hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taluy; Hệ thống giao thông các tuyến đường nội bộ; Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước bản sau nhà; Hệ thống cấp nước; Hệ thống cấp điện, chiếu sáng; Nhà sinh hoạt cộng đồng, tường rào công ngõ, sân bê tông)-Dự án 2	Ban Dân tộc tỉnh	8057571	3.276.402.700	
5	Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Cơ Tu; hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taluy; Giao thông; Thoát nước mưa; Thoát nước thải sinh hoạt; Cấp nước sinh hoạt (tuyến ống nội khu và bể chứa); Cấp điện và chiếu sáng-Dự án 2	Ban Dân tộc tỉnh	8057570	3.707.698.900	
II.2.2	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023			12.276.975.333	
II.2.2.1	Tiểu dự án 1, Dự án 4			11.311.858.333	
1	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Cải tạo khối nhà Giảng đường A, khối nhà Giảng đường B, khu nhà vệ sinh khu Giảng đường C, ký túc xá HS, SV khu 3, 4 cơ sở Hùng Vương	Trường Cao đẳng Quảng Nam	8059157	4.026.200.000	
2	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Cải tạo khối các công trình nhà xưởng thực hành, khối học tập - giảng đường, khối ký túc xá học sinh nữ, nhà ăn học sinh Trung tâm đào tạo miền núi Quảng Nam	Trường Cao đẳng Quảng Nam	8061121	4.329.663.333	
3	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Nâng cấp khu nhà ở sinh viên (Số 04C Lê Lợi)	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam	8064786	2.955.995.000	
II.2.2.2	Tiểu dự án 3, Dự án 4			965.117.000	
1	Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Nam: Dự án Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ Sàn giao dịch việc làm (Thuộc Tiểu dự án 3 - Dự án 4 - Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025)	Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Nam	8047817	965.117.000	

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỐ DƯ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 CHUYỂN SANG NĂM 2024
NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ƯNG CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nguồn vốn/Tên Dự án	Chủ đầu tư	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024	Ghi chú
	TỔNG CỘNG = I+II+III			6.619.079.500	
I	NGUỒN XDCB TẬP TRUNG			2.875.000.000	
I.1	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025			2.875.000.000	
1	Xây dựng Trung tâm giống, bảo tồn và phát triển được liệu ứng dụng công nghệ cao	Ban dân tộc	8016496	526.000.000	
2	Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Tiểu dự án 2 - Dự án 10 Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025)	Ban Dân tộc tỉnh	8057326	676.000.000	
3	Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co; Hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taluy; Hệ thống giao thông các tuyến đường nội bộ; Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước bản sau nhà; Hệ thống cấp nước; Hệ thống cấp điện, chiếu sáng; Nhà sinh hoạt cộng đồng, tường rào cổng ngõ, sân bê tông)-Dự án 2	Ban Dân tộc tỉnh	8057571	900.000.000	
4	Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Cơ Tu; hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taluy; Giao thông; Thoát nước mưa; Thoát nước thải sinh hoạt; Cấp nước sinh hoạt (tuyển ông nội khu và bể chứa); Cấp điện và chiếu sáng-Dự án 2	Ban Dân tộc tỉnh	8057570	773.000.000	
II	NGUỒN THU QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT			2.775.991.154	
II.1	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững			2.775.991.154	
II.1.2	Tiểu dự án 1, Dự án 4			2.625.991.154	
1	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), hạng mục: Nâng cấp khối giảng đường C, D và khối trung tâm thực hành kỹ thuật Y học	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam	8006096	1.000.000.000	
2	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Cải tạo khối nhà Giảng đường A, khối nhà Giảng đường B, khu nhà vệ sinh khu Giảng đường C, ký túc xá HS, SV khu 3, 4 cơ sở Hùng Vương	Trường Cao đẳng Quảng Nam	8059157	684.930.000	
3	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Cải tạo khối các công trình nhà xưởng thực hành, khối học tập - giảng đường, khối ký túc xá học sinh nữ, nhà ăn học sinh Trung tâm đào tạo miền núi Quảng Nam	Trường Cao đẳng Quảng Nam	8061121	497.056.154	
4	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Nâng cấp khu nhà ở sinh viên (Số 04C Lê Lợi)	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam	8064786	444.005.000	
II.1.2	Tiểu dự án 3, Dự án 4			150.000.000	

STT	Nguồn vốn/Tên Dự án	Chủ đầu tư	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024	Ghi chú
1	Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Nam: Dự án Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ Sàn giao dịch việc làm (Thuộc Tiểu dự án 3 - Dự án 4 - Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025)	Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Nam	8047817	150.000.000	
III	NGUỒN TIẾT KIỆM CHI			968.088.346	
III.1	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững			968.088.346	
III.1.1	Tiểu dự án 1, Dự án 4			968.088.346	
1	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Cải tạo ký túc xá học sinh, sinh viên khu 1, 2 cơ sở Hùng Vương	Trường Cao đẳng Quảng Nam	8004339	491.191.100	
2	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Cải tạo ký túc xá nam và xây mới khối các công trình vệ sinh thuộc Trung tâm đào tạo miền núi Quảng Nam (tại huyện Nam Giang)	Trường Cao đẳng Quảng Nam	8004647	104.058.746	
3	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp các công trình nhà xưởng, khu lý thuyết và xây mới khối các công trình vệ sinh thuộc Trung tâm đào tạo Bắc Quảng Nam (tại thị xã Điện Bàn)	Trường Cao đẳng Quảng Nam	8005079	140.586.500	
4	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Cải tạo khối các công trình nhà xưởng thực hành, khối học tập - giảng đường, khối ký túc xá học sinh nữ, nhà ăn học sinh Trung tâm đào tạo miền núi Quảng Nam	Trường Cao đẳng Quảng Nam	8061121	232.252.000	